TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **280** /2021/DS-PT
Ngày: 29 - 12 - 2021
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**
Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**
Ông **Nguyễn Văn Tào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An**, Thẩm tra viên Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2021/TLPT-DS ngày 17-10-2021 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 701/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1952, địa chỉ: Khối phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: ông Vũ Thanh C, sinh năm: 1958, địa chỉ: Thôn 07B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Những người có quyền, nghĩa vụ liền quan:

+ Bà Phan Thị S, sinh năm 1955.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị S: ông Phạm Văn H, sinh năm 1952, cùng địa chỉ: Khối phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017). Có mặt.

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1957;

+ Chị Vũ Thị Linh Đ, sinh năm 1986;

4- Anh Hồ Đức N;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T, chị Vũ Thị Linh Đ, anh Hồ Đức N: Ông Vũ Thanh C, sinh năm: 1958, cùng địa chỉ: Thôn 07B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017 và 19/9/2017). Có mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: Số 81 đường Huỳnh Thúc Kháng, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ngày 24/8/1995 ông có nhận chuyển nhượng cây và đất của ông Vũ Thanh C và ông Đặng C với diện tích là 1.610 m^2 tại Thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi chuyển nhượng ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và được ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: G694598 ngày 20/11/1995. Một thời gian sau đó UBND huyện T xây dựng nhà máy nước tại khu vực đất này nên đã thu hồi một phần lớn diện tích đất của ông, phần còn lại là 150m^2 ông đề nghị địa chính xã T tiến hành đo đạc để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng cán bộ địa chính xã hẹn mãi chưa làm thủ tục cho ông được. Năm 2011 ông Vũ Thanh C đã tự ý trồng cây và lấn chiếm đất của ông khoảng 80m^2. Ông đã báo cáo với UBND xã T nhiều lần nhưng vẫn chưa giải quyết cho ông. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam giải quyết buộc ông Vũ Thanh C phải trả lại diện tích đất khoảng 80m^2 đã lấn chiếm trái phép cho ông, trị giá khoảng 1.200.000 đồng.

Sau khi xem xét, thẩm định thì diện tích đất hiện nay ông cầm lấn chiếm của ông là 72m^2. Vì vậy, ông thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện theo kết quả đo đạc thực tế, ông yêu cầu ông Vũ Thanh C chấm dứt hành vi tranh chấp, di dời toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho ông diện tích đất là 72m^2.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, ông được biết ngày 31/3/1998 Uỷ ban nhân dân huyện T ra Quyết định số: 21/QĐ-UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: G694598, ngày 30/11/1995 đã cấp cho gia đình ông nên ông làm đơn khởi kiện bổ sung về việc hủy Quyết định hành chính của UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, ông xét thấy việc UBND huyện T ban hành quyết định nêu trên không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi về quyền sử dụng đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của ông C, ông C nên ông rút yêu cầu

đề nghị hủy Quyết định số 21/QĐ-UB, ngày 31/3/1998 của ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Vũ Thanh C trình bày:

Trước đây gia đình ông có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H và bà Phan Thị S một diện tích đất và cây lâu niên, thời gian sau ủy ban nhân dân huyện T quy hoạch Nhà máy nước nên đã thu hồi toàn bộ số đất mà gia đình ông đã bán cho ông H, bà S. ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông H vì số diện tích đất của ông H trước đây Nhà nước đã thu hồi toàn bộ, san ủi làm Nhà máy nước, làm đường bê tông cho nhân dân và ông đã nhận đủ số tiền đền bù nên ông H không còn đất nữa. Phần diện tích đất còn lại Nhà nước đã bồi thường nhưng không xây dựng hết Nhà máy nước nên một phần ông H đã bán cho ông Đỗ Văn Thu, một phần ông H đổi đất cho ông Đoàn Văn Thu nên hiện nay ông H không còn diện tích đất nào cả. Đối với phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là đất của vợ chồng ông Đặng C cho vợ chồng ông và ông đã cho vợ chồng con gái là chị Vũ Thị Linh Đ, anh Hồ Đức N làm nhà ở từ năm 2011 đến nay, phần diện tích đất này không nằm trong diện tích đất ông Đặng C chuyển nhượng cho ông Phạm H và bà Phan Thị S. Ông không thống nhất trả lại diện tích đất 72m^2 cho ông Phạm Văn H.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 603547, ngày 04/5/2011 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông và bà Đặng Thị T theo ông là không đúng với quy định của pháp luật, bởi vì diện tích đất ông Phạm Văn H đang tranh chấp hiện nay ông cứ nghĩ rằng ông đã kê khai năm 2005 và diện tích đất này đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và bà Đặng Thị T nhưng trên thực tế thì không phải. Vì vậy, ông đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để ủy ban nhân dân huyện T Cấp bổ sung thêm diện tích 72m^2 hiện nay ông H đang tranh chấp cho gia đình ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị S trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H.

Bà Đặng Thị T, bà Vũ Thị Linh Đ, ông Hồ Đức N thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông Vũ Thanh C, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Vi N đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện T trình bày tại phiên tòa:

Ngày 20/11/1995 Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G694598 cho ông Phạm Văn H đối với diện tích đất 1.928m^2 tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 31/3/1998 ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với lý do chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì thời điểm này thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn H, ông Đặng C và ông Vũ Thanh C chưa đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, không liên quan đến việc

chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, ông C và ông C. Năm 1997, UBND huyện T xây dựng Nhà máy nước có thu hồi đất của một số hộ dân tại thôn 7B, xã T trong đó có đất của ông Phạm Văn H nhưng không ra Quyết định thu hồi đất nên không xác định được diện tích đất ông H bị thu hồi là bao nhiêu mét vuông. Vì vậy, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

Áp dụng các điều 1, 2, 3, 4, 73, 74 Luật Đất đai năm 1993; các điều 12, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với 72m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại thôn 7B, xã T, huyện T.

2. Buộc ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T phải trả cho ông Phạm Văn H giá trị quyền sử dụng 72m^2 đất (thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại thôn 7B, xã T, huyện T) 1.152.000 đồng.

3. Giao ông Vũ Thanh C và bà Đặng Thị T được quyền sở hữu quyền dụng diện tích đất 72m^2, thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 05, tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (kèm theo sơ đồ bản vẽ chi tiết).

4. Không có cơ sở để xem xét, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 603547 ngày 04 tháng 5 năm 2011 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Vũ Thanh C và bà Đặng Thị T.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định hành chính của ông Phạm Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, nguyên đơn ông Phạm Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Phạm Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 26-8-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H. Sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam có đơn xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn H tự nguyện rút yêu cầu yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 21/QĐ-UB ngày 31-3-1998 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử nội dung này là đúng pháp luật.

[2] Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 72m^2 thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 05, tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam của ông Phạm Văn H và bà Phan Thị S nhận chuyển nhượng cây và đất của ông Vũ Thanh C và ông Đặng C. Ngày 20 tháng 11 năm 1995, ông Phạm Văn H và bà Phan Thị S được ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G694598 tại diện tích 72m^2 trên. UBND huyện T đã thực hiện dự án xây dựng nhà máy nước tại khu vực đất này nên đã thu hồi phần lớn diện tích đất của ông H, diện tích đất còn lại 150m^2 ông H đã lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã T chưa làm thủ tục cho ông. Năm 2011, ông Vũ Thanh C đã tự ý trồng cây và lấn chiếm đất của ông khoảng 80m^2. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Thanh C phải di dời toàn bộ tài sản trên đất, trả lại diện tích đất 72m^2 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ) cho ông Phạm Văn H.

[3] Đối với bị đơn ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T cho rằng nguyên trước đây gia đình ông có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H và bà Phan Thị S một thửa đất và trên thử đất có cây lâu niên, nhưng đã được Uỷ ban nhân dân huyện T thu hồi, bồi thường khi xây dựng nhà máy nước xong cho ông H. Diện tích đất còn lại 72m^2 (thửa số 89, tờ bản đồ số 05, tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) nằm ngoài phạm vi xây dựng nhà máy nước ông H đã bán, đổi hết đất cho người khác. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích này bị đơn đã kê khai và đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Tuy nhiên, sau khi rà soát, kiểm tra lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 72m^2 này không đúng với nội dung bị đơn vợ chồng ông C, bà T đã kê khai, đăng ký. Việc ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T trình bày diện tích 72m^2 là của vợ chồng ông Đặng C cho vợ chồng ông C, bà T và ông đã tặng cho vợ chồng con là chị Vũ Thị Linh Đ xây dựng nhà ở năm 2011. Việc ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để Ủy ban nhân dân huyện T cấp bổ sung thêm diện tích 72m^2 vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 03547 ngày 04/5/2011 cho ông và bà Đặng Thị T là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích 72m^2 thuộc sở hữu của ông Phạm Văn H là đúng pháp luật. Như phân tích ở phần [3], hiện nay diện tích 72m^2 ông Vũ Thanh C và vợ chồng chị Linh Đ, anh N đã trồng cây, xây dựng mái hiên che nắng, sân...xây dựng nhà nhưng không phải nhà kiên cố. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T thanh toán cho ông Phạm Văn H giá trị quyền sử dụng 72m^2 thành tiền là 1.152.000 đồng và giao ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T được quyền sử dụng diện tích 72m^2, thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 5, tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam là không thuyết phục. Cấp phúc thẩm điều chỉnh

lại cho phù hợp pháp luật.

[4] Tại Biên bản định giá tài sản ngày 07-7-2021, trên đất có một số tài sản không thể di dời được, Hội đồng xét thấy cần giao cho ông H quản lý sử dụng và ông H thanh toán giá trị cho ông Vũ Thanh C và vợ chồng chị Linh Đ, anh N là phù hợp. Cụ thể: Ông Phạm Văn H phải thanh toán số tiền là 3.518.836 đồng (gồm: Ngõ bê tông trị giá 1.201.536đ; sân bê tông trị giá 1.644.300đ; hiên nhà xây gạch men 2,7m^2 trị giá 1.300.000đ mỗi bên chịu ½ là 650.000đ; 01 cây sấu giá 409.000 đồng; 01 cây mít 500.000đ và 01 cây sim 23.000 đồng). Đồng thời, buộc ông Vũ Thanh C và vợ chồng chị Linh Đ, anh N tháo dỡ đối với số tài sản có thể di dời được như mái hiên, cây cảnh, khung sắt, nền gạch men, lưới.. (theo Biên bản định giá tài sản ngày 07-7-2021) để giao diện tích 72m^2 cho ông Phạm Văn H. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Phạm Văn H tự nguyện hỗ trợ tháo dỡ mái hiên, di dời cây cảnh cho ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T với số tiền 1.500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện dân sự không vi phạm đạo đức, không trái pháp luật, có lợi cho ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Diện tích 72m^2 tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 603547 ngày 04/5/2011 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Vũ Thanh C và bà Đặng Thị T nên cần hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đồng thời, ông Phạm Văn H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật *(kèm theo sơ đồ bản vẽ chi tiết).*

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn H, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Ông Phạm Văn H được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 26-8-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Xử:**

Áp dụng Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H.

1. Ông Phạm Văn H được quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng, gồm:

- Ông Phạm Văn H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 72m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng

Nam. Vị trí thửa đất như sau: Phía đông giáp đường bê tông, kích thước 06 mét; phía tây giáp đất ông Vũ Thanh C 06 mét; phía nam giáp đất ông Vũ Thanh C 12 mét; phía bắc giáp tường xây của Nhà máy nước kích thước 12 mét. Ông Phạm Văn H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật *(kèm theo sơ đồ bản vẽ chỉ tiết).*

- Ông Phạm Văn H được sở hữu tài sản, gồm:

01 cây sấu chưa có quả, đường kính 15cm; 01 cây mít và 01 cây sim.

Sân bê tông, kích thước 4,5 m x 5,15 m = 20,25 m^2.

Ngõ bê tông kích thước 7,2 mét x 1,6 mét = 11.52 m^2.

Phần hiên nhà xây gạch, nền lát gạch men, có diện tích 2,7 m^2.

2. Ông Phạm Văn H phải thanh toán cho ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T và chị Vũ Thị Linh Đ, anh Hồ Đức N giá trị tài sản không di dời được số tiền 3.518.836 đồng *(ba triệu, năm trăm mười tám ngàn, tám trăm ba mươi sáu đồng).*

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn H hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản trên đất cho ông Vũ Thanh C và vợ chồng chị Vũ Thị Linh Đ, anh Hồ Đức N số tiền 1.500.000đ *(một triệu năm trăm ngàn đồng).*

4. Buộc vợ chồng chị Vũ Thị Linh Đ. anh Hồ Đức N phải tháo dỡ, di dời các loại tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H gồm:

01 cây Mai vườn, đường kính lớn hơn 05 cm; 36 cây Đinh Lăng mới trồng; 01 cây quất cảnh.

01 (Một) khung bằng sắt để làm giàn hoa, phía trước cổng đi vào nhà, có kích thước chiều ngang 1,4 mét, chiều cao 2,3 mét, chiều rộng 2,8 mét;

01 (Một) khung bằng sắt làm giàn hoa dọc theo mái hiên nhà, có kích thước: Chiều cao 1,8 mét, chiều dài 2,4 mét, có 0,9 mét;

01 (Một) mái hiên, khung bằng sắt, mái lợp tôn để che hiên nhà, nền gạch men có kích thước chiều dài 6,2 mét, chiều ngang 3,2 mét, trong đó có 1,3 mét chiều ngang và 0,9 mét chiều dài.

01 (Một) chái tôn, sườn tre, nền đất đầm đặt, chiều ngang 2,5m, chiều dài 3,9m, diện tích 9,75m^2.

5. Buộc ông Vũ Thanh C, bà Đặng Thị T phải di dời các loại tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H như sau: 01 cây Lát hoa, đường kính từ 10 đến 15cm; 01 cây Sữa, đường kính từ 10 đến 15 cm; 01 cây mai vườn, 06 cây đinh lăng trong thời kỳ thu hoạch; 01 cây quất cảnh trong chậu và một số cây cảnh khác không gắn liền với đất.

6. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 603547 ngày 04 tháng 5 năm 2011 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Vũ Thanh C và bà Đặng Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0000301 ngày 24-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Thanh C.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29 - 12 - 2021./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu